

Bản án số: 189/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-6-2026.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyên Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương.

Ông Võ Phi Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 959/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Bạch L**, sinh năm 1986

Địa chỉ thường trú: Tổ H, khu phố M, phường N, thành phố Đ (trước đây là khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai).

Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã P, thành phố Đ (trước đây là ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai).

Bị đơn: Anh **Trương Minh T**, sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: Tổ H, khu phố M, phường N, thành phố Đ (trước đây là khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai).

(Chị L, Anh T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Bạch L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Minh T tự tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND xã P, thành phố Đ). Được UBND xã

V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 205 ngày 07/12/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hòa thuận nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn khoảng 05 tháng nay, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, giữa hai người không còn tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Anh T ham chơi, không có trách nhiệm với vợ con, chị L đã cho anh T nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị và anh T đã cố gắng tìm cách nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn, khúc mắc và bất đồng giữa đôi bên nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu ly hôn anh Trương Minh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 10/11/2013 và Trương Ngọc Gia H1, sinh ngày 22/01/2018. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu H1; Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trương Minh T được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên không có lời trình bày của anh T.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Bạch L đối với bị đơn anh Trương Minh T, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T; Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 10/11/2013 và Trương Ngọc Gia H1, sinh ngày 22/01/2018. Xét thấy, chị L có yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu H và cháu H1, hai cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ và đang do chị Lê trực T1 nuôi dưỡng nên đề nghị xử giao cháu H và cháu H1 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Chị Lê K yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; Về án phí: Chị Lê P chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Đặng Thị Bạch L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trương Minh T, yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trương Minh T đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại: Tổ H, khu phố M, phường N, thành phố Đ (trước đây là khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Đặng Thị Bạch L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh Trương Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Bạch L và anh Trương Minh T tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai năm 2012 (nay là UBND xã P, thành phố Đ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 205, năm 2012 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn chị L trình bày trong thời gian chung sống, chị và anh T bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay, không có khả năng đoàn tụ. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu ly hôn anh Trương Minh T. Khi Tòa án triệu tập chị L và anh T đến Tòa án để hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh T không có mặt hòa giải, chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn, không đồng ý hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L đối với anh T, xử cho chị Ly hôn anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 10/11/2013 và Trương Ngọc Gia H1, sinh ngày 22/01/2018. Xét thấy,

cháu H và cháu H1 hiện đang do chị L nuôi dưỡng và chị L có yêu cầu nuôi con; Cháu H và cháu H1 có nguyện vọng được ở với chị L. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần xử giao cháu H và cháu H1 cho chị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Lê K yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Lê K1 không có nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê K1 không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị Bạch L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trương Minh T nên chị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011789 ngày 18/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ). Chị L đã nộp đủ án phí.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Bạch L đối với bị đơn anh Trương Minh T về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1. Xử cho chị Đặng Thị Bạch Lê ly H2 anh Trương Minh T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 10/11/2013 và Trương Ngọc Gia H1, sinh ngày 22/01/2018.

Xử giao cháu Trương Gia H, sinh ngày 10/11/2013 và Trương Ngọc Gia H1, sinh ngày 22/01/2018 cho chị Đặng Thị Bạch L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị L, anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Bạch L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011789 ngày 18/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ). Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Bạch L, anh Trương Minh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai;
- UBND xã Phước An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Nguyên Vũ

